

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 1409/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức hoạt động ứng phó sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 296/TTr-STNMT ngày 18 tháng 5 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;



Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. *T. Thanh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của Quyết định;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh Kiên Giang;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (03b);
- Website Kiên Giang;
- Công báo Kiên Giang;
- LĐVP, P.KT; P.TH;
- Lưu: VT, hdtan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Nhân



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó
sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**
(Kèm theo Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc lập, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu (sau đây viết tắt là Kế hoạch) của UBND cấp huyện và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có hoạt động về khai thác, vận chuyển, chuyển tải, sử dụng xăng, dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu (sau đây gọi chung là cơ sở).

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Thời điểm lập, trình thẩm định và phê duyệt Kế hoạch

1. UBND cấp huyện và cơ sở lập Kế hoạch và trình cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 5 Quy định này để thẩm định và phê duyệt trước khi đi vào hoạt động.

2. Đối với các cơ sở đã hoạt động trước thời điểm Quy định này có hiệu lực nhưng chưa có Kế hoạch được phê duyệt theo quy định, phải xây dựng kế hoạch và trình cấp thẩm quyền phê duyệt trong thời hạn 01 năm kể từ ngày Quy định này có hiệu lực. Nếu quá thời hạn nêu trên cơ sở phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bị xử phạt theo quy định hiện hành, đồng thời, phải tiếp tục xây dựng kế hoạch và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch của UBND cấp huyện và các đối tượng quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg gồm: cơ sở, dự án tại địa phương, các cảng tại địa phương, các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ dưới 50.000 m³, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt Kế hoạch đối với các đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 7 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg gồm: các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển. Sự cố tràn dầu nhỏ (mức nhỏ) là sự cố tràn dầu có lượng dầu tràn dưới 20 m³ (tấn) theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 6 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg.

Điều 5. Cơ quan thẩm định Kế hoạch

1. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND tỉnh tiếp nhận, chủ trì tổ chức thẩm định Kế hoạch trước khi trình UBND tỉnh phê duyệt đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, thành phố; Phòng Kinh tế Hạ tầng - Tài nguyên và Môi trường huyện Kiên Hải (sau đây gọi chung là Phòng Tài nguyên và Môi trường) là cơ quan đầu mối, tham mưu giúp UBND cấp huyện tiếp nhận, chủ trì tổ chức thẩm định Kế hoạch trước khi trình UBND cấp huyện phê duyệt đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Nội dung cơ bản của Kế hoạch

1. Kế hoạch cần phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản về nội dung như sau:

a) Mô tả thông tin chung về cơ sở và những hoạt động liên quan đến dầu và các sản phẩm của dầu gây ra hoặc có nguy cơ gây ra sự cố tràn dầu;

b) Đánh giá rủi ro nguồn dầu tràn, khả năng tác động, phạm vi ảnh hưởng trong trường hợp xảy ra sự cố tràn dầu;

c) Nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu: lực lượng, trang thiết bị ứng phó; phương án phối hợp với các đơn vị xung quanh hoặc hợp đồng thuê dịch vụ ứng phó sự cố tràn dầu; cơ cấu tổ chức và phân công trách nhiệm quyền hạn, kế hoạch trang bị, đào tạo;

d) Quy trình triển khai ứng phó: xử lý thông tin, báo cáo, thông báo; tổ chức triển khai các phương án ứng phó; hoạt động khắc phục và giải quyết hậu quả sau sự cố tràn dầu.

2. Đề cương bố cục, nội dung của Kế hoạch theo quy định tại Phụ lục II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg.

Điều 7. Thời gian thẩm định và phê duyệt Kế hoạch

Thời gian thẩm định và phê duyệt Kế hoạch thực hiện theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 3 Điều 8 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg cụ thể:

- Đối với kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ và không tính thời gian chỉnh sửa Kế hoạch);

- Đối với kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, trong thời

14/11/2021

hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể ngày nghỉ và không tính thời gian chỉnh sửa Kế hoạch).

Điều 8. Trình tự, hồ sơ thẩm định Kế hoạch

- Hồ sơ thẩm định:

+ 02 bản Kế hoạch;

+ Văn bản đề nghị phê duyệt Kế hoạch.

- Nơi nhận:

+ Sở Tài nguyên và Môi trường đối với Kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh;

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường đối với Kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

- Trình tự thẩm định:

Cơ quan thẩm định xem xét nội dung theo Phụ lục II Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg và yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa (nếu có);

Sau khi bổ sung, chỉnh sửa, UBND cấp huyện, cơ sở nộp cho cơ quan thẩm định 08 bản Kế hoạch để phục vụ khảo sát thực tế, kiểm chứng các thông tin, số liệu được trình bày trong Kế hoạch;

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế, cơ sở hoàn chỉnh Kế hoạch theo ý kiến đóng góp của các cơ quan có liên quan và nộp 14 bản cho cơ quan thẩm định để tổ chức họp Hội đồng thẩm định.

- Lưu ý: Tùy tình hình thực tế, Phòng Tài nguyên và Môi trường có thể yêu cầu gửi số lượng bản Kế hoạch cho phù hợp.

Điều 9. Trình phê duyệt

- Hồ sơ trình phê duyệt:

+ Tờ trình của Sở Tài nguyên và Môi trường/Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị UBND tỉnh/UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch;

+ Dự thảo Quyết định phê duyệt (bản giấy và tập tin điện tử);

+ Biên bản họp của Hội đồng thẩm định (bản chính);

+ 05 (năm) bản Kế hoạch đã chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

- Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức kiểm tra thực tế trước khi trình phê duyệt Kế hoạch.

Điều 10. Cập nhật, thẩm định và phê duyệt Kế hoạch

Sau khi cập nhật Kế hoạch, UBND huyện, cơ sở gửi hồ sơ đề nghị phê duyệt về cơ quan thẩm định được quy định tại Điều 5 Quy định này.

1. Hồ sơ đề nghị phê duyệt gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt nội dung cập nhật Kế hoạch (nêu rõ nội dung cập nhật là gì, mục nào, lý do...);

- Cơ quan thẩm định nghiên cứu, thẩm định nội dung cập nhật và yêu cầu bổ sung, chỉnh sửa, làm rõ (nếu có); trình cơ quan thẩm định phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

- Tờ trình đề nghị phê duyệt nội dung cập nhật Kế hoạch;

- Dự thảo Quyết định phê duyệt nội dung cập nhật Kế hoạch.

3. Thời gian, thẩm định và phê duyệt thực hiện theo Điều 7 Quy định này.

- Việc quản lý Quyết định cập nhật phê duyệt được thực hiện như quản lý Kế hoạch tại Điều 13 Quy định này.

Điều 11. Hội đồng thẩm định Kế hoạch

1. Hội đồng thẩm định cấp tỉnh

a) Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp tỉnh.

b) Thành phần khung của Hội đồng thẩm định cấp tỉnh như sau:

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong trường hợp cần thiết có thể có thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng Quản lý Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan.

Các thành viên Hội đồng (mỗi cơ quan, đơn vị cử 01 lãnh đạo đại diện) gồm: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự tỉnh; Công an tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh (Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Cảng vụ hàng hải Kiên Giang,...), Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam (nếu cần thiết), Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi cơ sở hoạt động.

Thư ký Hội đồng: công chức Phòng Quản lý Biển và Hải đảo thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn.

2. Hội đồng thẩm định cấp huyện

a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp huyện.

b) Thành phần khung của Hội đồng thẩm định cấp huyện như sau:

Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện. Trong trường hợp cần thiết có thể có thêm 01 (một) Phó Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, giúp Chủ tịch Hội đồng thực hiện các phần việc liên quan.



Các thành viên Hội đồng (mỗi cơ quan, đơn vị cử 01 lãnh đạo đại diện) có thể gồm: Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện; Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai, Tìm kiếm cứu nạn và Phòng thủ dân sự cấp huyện; Công an huyện; các Phòng, ban, ngành cấp huyện (Phòng Kinh tế/Kinh tế và Hạ tầng, Quản lý đô thị, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,...); Cảng vụ hàng hải tại địa phương và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cơ sở hoạt động.

Thư ký Hội đồng: công chức thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng thẩm định có thể mời thêm các chuyên gia chuyên ngành cùng tham dự, tư vấn.

3. Kinh phí chi cho hoạt động thẩm định Kế hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành được cấp hằng năm.

Điều 12. Phương thức hoạt động của Hội đồng thẩm định

1. Đối với trường hợp họp Hội đồng thẩm định

a) Cuộc họp thẩm định chỉ được tiến hành trong trường hợp có mặt ít nhất 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên Hội đồng thẩm định tham dự. Trong đó người chủ trì bắt buộc phải là Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng thẩm định ủy quyền, ủy viên thư ký, chủ cơ sở hoặc người đại diện được chủ cơ sở ủy quyền tham dự. Trường hợp thành viên Hội đồng không thể tham gia cuộc họp thẩm định nhưng có ý kiến bằng văn bản gửi Chủ tịch Hội đồng trước khi cuộc họp bắt đầu thì được tính là có mặt.

b) Tài liệu phục vụ cho cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được cơ quan thẩm định gửi đến các thành viên Hội đồng thẩm định ít nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp.

c) Thành viên Hội đồng thẩm định đánh giá về nội dung của Kế hoạch và các vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Người chủ trì phiên họp đưa ra kết luận của Hội đồng thẩm định nội dung Kế hoạch theo 01 (một) trong 03 (ba) mức sau:

Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Khi tất cả thành viên Hội đồng thẩm định tham dự đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng tham dự đồng ý thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

Không thông qua: Khi có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng tham dự không đồng ý thông qua.

d) Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm ghi biên bản cuộc họp. Biên bản cuộc họp phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

2. Đối với trường hợp không họp Hội đồng thẩm định

a) Trong trường hợp không tổ chức được cuộc họp Hội đồng thẩm định (do



nguyên nhân bất khả kháng), Chủ tịch Hội đồng thẩm định xin ý kiến bằng văn bản các thành viên Hội đồng.

b) Thành viên Hội đồng thẩm định nhận xét nội dung của Kế hoạch và những vấn đề khác có liên quan đến nội dung Kế hoạch. Chủ tịch Hội đồng thẩm định kết luận (khi có ít nhất 2/3 ý kiến số lượng thành viên Hội đồng thẩm định) nội dung Kế hoạch theo 01 (một) trong 03 (ba) mức sau:

Thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung: Khi tất cả thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung;

Thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: Khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng đồng ý thông qua hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung;

Không thông qua: Khi có trên 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng không đồng ý thông qua.

c) Thư ký Hội đồng thẩm định có trách nhiệm lập biên bản tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định. Biên bản phải được Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thẩm định ký.

Điều 13. Quản lý Kế hoạch

1. Các Kế hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan phê duyệt phải gửi cho các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan để phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm quy định trong Kế hoạch.

2. Kế hoạch phải được lưu trữ tại cơ sở và phải trình cho cơ quan quản lý nhà nước khi có kiểm tra, yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh liên quan xác định và cập nhật định kỳ danh sách các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải thực hiện Quyết định 12/2021/QĐ-TTg;

b) Phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy định này trên phạm vi toàn tỉnh;

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam và các đơn vị khác có liên quan thẩm định Kế hoạch thuộc thẩm quyền quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành liên quan

a) Triển khai thực hiện Quy định này trong phạm vi ngành quản lý;

b) Tham gia Hội đồng thẩm định cấp tỉnh; phối hợp với Sở Tài nguyên và



Môi trường, các địa phương kiểm tra, đôn đốc chủ cơ sở xây dựng và triển khai Kế hoạch.

Điều 15. Trách nhiệm của UBND cấp huyện

1. Lập Kế hoạch trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; cập nhật định kỳ hàng năm và trình phê duyệt lại 5 năm một lần.

2. Tổ chức thẩm định, phê duyệt Kế hoạch thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này; kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

3. Bố trí kinh phí chi cho công tác thẩm định Kế hoạch của các cơ sở trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật hiện hành được cấp hằng năm.

4. Định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đã được phê duyệt của địa phương gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp trước ngày 15 tháng 02 hằng năm.

Điều 16. Trách nhiệm của cơ sở

1. Cơ sở tại địa phương xây dựng Kế hoạch, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Khi có sự thay đổi các điều kiện dẫn đến thay đổi nội dung Kế hoạch thì phải cập nhật bổ sung và cập nhật định kỳ hàng năm; khi có những thay đổi lớn làm tăng quy mô sức chứa vượt quá khả năng ứng phó so với phương án trong Kế hoạch thì phải lập lại Kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hiệu quả sau khi được phê duyệt và sẵn sàng tham gia vào hoạt động chung ứng phó sự cố tràn dầu theo sự điều động, chỉ huy thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Định kỳ hàng năm (trước ngày 31 tháng 01) báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch gửi Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện (theo thẩm quyền phê duyệt) để tổng hợp, giám sát trong quá trình thực hiện.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Ngoài các nội dung quy định nêu trên thì tổ chức thực hiện theo Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./

